

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DSPT

Ngày: 03-4-2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà; ông Đặng Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Ly – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp H Lộc, xã Định H, huyện Dĩnh Bình Dương. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn Lào, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố 4B, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dĩnh Bình Dương. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1989 và chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Viết D; địa chỉ: 24C Lương Định C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Rơ Châm H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 6, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Rơ Châm C, sinh năm 1986; địa chỉ: làng Bàn, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Vũ Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 2, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

* *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 30-5-2022, ông Đỗ Văn H và con trai là Đỗ Minh H từ Bình Dương lên Gia Lai tìm mua đất và đã đồng ý mua của ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị Thùy L thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51, diện tích 8.284 m², ngang 121m, dài 103m, tại làng Bàn, xã I, huyện C rồi viết giấy đặt cọc. Đến ngày 20-7-2022, vợ ông H là bà đến Văn phòng Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Th và bà L, rồi làm thủ tục sang tên mà không đi xem đất, không đo đạc lại diện tích đất. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất thì vợ chồng ông H về lại Bình Dương. Đến tháng 12-2022, ông H lên thu hoạch cà phê phát hiện ông Th và bà L - chủ thửa đất liền kê đã cắm hàng rào nên ông H nhờ người lấy thước dây đo chiều ngang mặt đường thì phát hiện thiếu 12m và cho rằng ông Th và bà L đã lấn chiếm đất của mình với chiều ngang mặt đường là 12m và chiều dài là 103m, tổng cộng là 1.236m². Thấy vậy, ông H nói với vợ chồng ông Th về việc lấn chiếm đất thì vợ chồng ông Th không thừa nhận nên ông H làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã I, huyện C để yêu cầu giải quyết tranh chấp đất nhưng ông Th và bà L không hợp tác. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th phải trả lại diện tích đất đã bị lấn chiếm là: 12m x 103m = 1.236m². Sau khi Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì diện tích đo đạc thực tế phần đất tranh chấp với chiều ngang mặt đường là 8,32m, đất có hình tam giác nhọn, diện tích tranh chấp là 363,3m² nên ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng ông Th phải trả lại diện tích đất bị lấn chiếm là 363,3m².

- Bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất chuyển nhượng cho bà L là do vợ chồng ông Th nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn D vào năm 2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) mà không đo đạc diện tích cụ thể. Ngày 30-5-2022, ông Đỗ Văn H và con trai là Đỗ Minh H đến xem đất thì ông Th chỉ vị trí đất và đưa GCNQSDĐ cho ông H xem rồi đồng ý mua và đã đặt cọc mà không đo đạc lại đất. Trong thời gian đặt cọc thì ông H có ý định chuyển nhượng sang tay

cho người khác, nhưng khi đo lại thì thiếu đất mặt đường không đủ 121m nên họ không mua nữa. Ông H biết chiều dài đất tiếp giáp đường không đủ 121m như trong GCNQSDĐ nhưng vẫn đồng ý mua. Do đó, ngày 20-7-2022, vợ ông H là bà Ngô Thị L đã đến Văn phòng Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Th, để nhận chuyển nhượng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51, diện tích 8.284m² tại làng Bàng, xã I, huyện C như đã nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H và bà L không trông coi, sử dụng, để trâu bò vào phá rẫy nên vợ chồng ông Th đã rào lại theo đúng vào hàng muồng cũ trước đây là ranh giới giữa 02 thửa đất. Khi vợ chồng ông Th chuyển nhượng cho bà L cũng chỉ rõ mốc ngăn cách giữa 02 rẫy là hàng cây muồng đã chặt này. Đất của bà L một bên giáp suối, do sạt lở nên tại thời điểm chuyển nhượng thì diện tích đất mặt đường không đủ 121m như trong GCNQSDĐ. Vợ chồng ông Th không lấn chiếm đất của bà Luống.

- Người làm chứng, ông Nguyễn Xuân T trình bày: Nguồn gốc lô đất tranh chấp là ông nhận chuyển nhượng của ông Rơ Châm L (đã chết) từ năm 2000, diện tích đất khoảng 07 – 08 sào, ông sử dụng canh tác trồng cà phê ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2018, ông T cho vợ chồng con trai là Nguyễn Xuân Th và Trần Thị Thùy L canh tác, sử dụng. Ranh giới giữa hai thửa đất là hàng cây muồng do ông T trồng năm 2000.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 - 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, và các Điều: 147, 157, 165, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn H.

Buộc ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị Thùy L phải trả lại diện tích đất 363,3m², thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51; địa chỉ thửa đất: tại làng Bàng, xã I, huyện C theo GCNQSDĐ số CM 628212 do Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai cấp ngày 12/02/2018. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đường bê tông dài 8,32m; phía Nam giáp đất ông H dài 13,6m + 20,96m + 49,58m; phía Tây giáp đất người đồng bào (góc nhọn); phía Bắc giáp đất ông Th, bà L dài 85,48m và tài sản trên đất là 40 cây cà phê Robusta (từ 01 – 05 năm), 01 cây mắc ca (03 năm). (Kèm theo sơ đồ thửa đất).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, thông báo quyền

yêu cầu, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09-01-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08-01-2024, bị đơn anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai không rút kháng nghị. Đồng thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; chấp nhận kháng cáo của bị đơn, tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; và Đơn kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L trong hạn luật định; người kháng cáo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; và Đơn kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Ngày 30-5-2022, ông Đỗ Văn H và con trai là Đỗ Minh Hoàng từ Bình Dương lên Gia Lai tìm mua đất và đã đồng ý mua của ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị Thùy L thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51, diện tích 8.284 m², ngang 121m,

dài 103m, tại làng Bàng, xã I, huyện C rồi viết giấy đặt cọc. Đến ngày 15-6-2022, vợ ông H là bà Ngô Thị Lùng với ông Th và bà L đến Văn phòng Công chứng Mai Phụng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện C xác nhận sang tên cho bà L vào ngày 20-7-2022.

2.2. Ngày 10-11-2022, bà L ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Đỗ Văn H được thực hiện một số quyền về dân sự của chủ sử dụng đất, bao gồm: quyền quản lý đất; chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp; nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đối với thửa đất theo GCNQSDĐ số CM 628212 do Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai cấp ngày 12-02-2018, cập nhật biến động lần cuối ngày 20-7-2022, nhưng không bao gồm ủy quyền thực hiện hành vi tố tụng. Tại thời điểm ông Đỗ Văn H làm đơn khởi kiện (10-02-2023) thì quyền sử dụng nêu trên vẫn thuộc về bà Luống. Nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình; quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất, nhưng không tuyên rõ là trả đất cho ai.

2.3. Tại bản tự khai, ông Nguyễn Xuân T khẳng định lô đất tranh chấp là ông T nhận chuyển nhượng của ông Rơ Châm Lơn từ năm 2000, diện tích đất khoảng 07 – 08 sào, sử dụng canh tác trồng cà phê ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2018, ông T cho vợ chồng con trai là Nguyễn Xuân Th và Trần Thị Thùy L canh tác, sử dụng. Bị đơn là anh Th cũng trình bày về nguồn gốc diện tích đất vợ chồng anh Th đang canh tác có một phần đất tranh chấp với ông H, là rẫy của cha mẹ anh Th là ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị Hà, cho vợ chồng anh Th làm. Diện tích đất nêu trên chưa được cấp GCNQSDĐ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông T và bà Hà đã cho vợ chồng anh Th toàn quyền sử dụng đất, được đăng ký quyền sử dụng đất hay chỉ cho canh tác, sử dụng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng anh Th phải thực hiện nghĩa vụ trả đất cho ông H là chưa đủ căn cứ xác định người có nghĩa vụ.

2.4. Ông Đỗ Văn H và bà Ngô Thị L là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 30-7-2004. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51, diện tích 8.284m² theo GCNQSDĐ số CM 628212 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 12-02-2018 có phải là tài sản chung của ông H và bà Luống, để khi đó mới xác định ông H có được quyền khởi kiện hay không, mà căn cứ vào văn bản ủy quyền ngày 10-11-2022 giữa ông H và bà L để xác định ông H được quyền làm đơn khởi kiện là chưa đủ căn cứ

theo quy định tại các Điều: 138, 139 của Bộ luật dân sự, vì văn bản này chỉ ủy quyền về quyền dân sự, không bao gồm ủy quyền về thực hiện hành vi tố tụng.

2.5. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13-4-2023 xác định trên diện tích đất tranh chấp có 40 cây cà phê Robita kinh doanh từ 01 -05 năm; 01 cây mắc ca năm 3; tổng giá trị cây trồng là: 14.760.680 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định số cây nêu trên là do ai trồng; không xem xét đến quyền lợi của người trồng cây trên đất tranh chấp đó, là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

[3] Về nội dung:

3.1. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào GCNQSDĐ số CM 628212 do Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai cấp ngày 12-02-2018, cập nhật biến động lần cuối ngày 20-7-2022, xác định chiều rộng thửa đất tiếp giáp đường đất rộng 1,5m (phía Đông của thửa đất) là 121 mét để làm căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một diện tích đất $363,3m^2$, có chiều rộng giáp đường đất 8,32 mét mà không trừ đi diện đất bị sát lở giáp suối dài 3,62 mét, tổng cộng là $86,32m^2$; không thu thập tờ bản đồ tổng thể để xác định chiều rộng của suối bao nhiêu để xem xét và đánh giá ý kiến của bị đơn có căn cứ hay không.

3.2. GCNQSDĐ là chứng thư pháp lý xác định quyền sử dụng đất của bà Ltheo chiều rộng thửa đất như đã nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để xác định nguồn gốc ranh giới giữa hai thửa đất đã được những người làm chứng như ông Nguyễn Xuân T, ông Vũ Văn Duy, ông Rơ Châm Cher, bà Rơ Châm Hlunh đều khẳng định ranh giới giữa thửa đất ông T và đất bà Lhiện nay là hàng cây muồng do ông T trồng năm 2000.

3.3. Lời khai của bị đơn và những người làm chứng thống nhất và phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13-4-2023 xác định vị trí ranh giới hiện tại có 4-5 gốc cây muồng. Chứng cứ đó hoàn toàn phù hợp với chứng cứ là hình ảnh được chụp từ vệ tinh tại các thời điểm năm 2012, 2014, 2017, 2023; cũng qua hình ảnh vệ tinh này cho thấy số cây trồng trên phần diện tích đất của ông T cho vợ chồng anh Th canh tác, sử dụng được trồng thẳng hàng song song với ranh giới đất; số cây trồng trên phần đất của bà Lđược trồng không song song với ranh giới đất được phân định bởi hàng cây muồng.

3.4. Anh Trịnh Văn Kỷ là cán bộ địa chính xã I, huyện C trình bày: “Năm 2022, ông H và con là Đỗ Xuân Hoàng cùng anh Th, chị L có nhờ ông ra vị trí thửa đất số 72, tờ bản đồ số 51, khi kiểm tra có đo thước dây mặt đường bê tông, kết quả đo có thiếu so với GCNQSDĐ (bìa) nhưng tôi không nhớ là bao nhiêu mét”. Như vậy, khi nhận chuyển nhượng đất, ông H đã biết chiều rộng đất tính từ ranh giới do anh Th xác định là hàng cây muồng cũ đến bờ suối là không đủ 121 mét như trong

GCNQSDĐ, nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chiều rộng của thửa đất bà Ltheo GCNQSDĐ là 121 mét để buộc bị đơn phải trả lại phần diện tích đất 363,3m² là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Từ những căn cứ nhận định tại các luận điểm [2] và [3] như trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự, chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, tuyên hủy bản án số 32/2023/DS-ST ngày 27 -12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo là anh Th và chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 27-12 -2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Đỗ Văn H với bị đơn là anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Xuân Th và chị Trần Thị Thùy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Th và chị L số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008170 ngày 09-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thương